

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2023/HS - ST

Ngày: 14-02-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khương Minh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;

2/ Ông Đặng Minh Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Kiều Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Ông Bùi Long Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 220/2022/TLST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HS ngày 04/01/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Minh T**, sinh năm 1993 tại tỉnh Bình Dương. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố 9, phường L, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Thợ sơn nước; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn P và bà Trà Thanh Th (đã chết); bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 22/6/2009, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng về tội “Cướp tài sản”, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 98/2009/HSST; Ngày 26/10/2010, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 98/2009/HSST là 06 năm tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số 164/2010/HSST, ngày 08/9/2014 chấp hành xong hình phạt tù; Ngày 29/7/2022, bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 129/2022/HS-ST (bị cáo chưa chấp hành án). Trong vụ án này, bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/8/2022 và tạm giam cho đến nay; có mặt.

2. Họ và tên: **Lê Ngọc T1** (tên gọi khác: Rắc), sinh năm 1995 tại tỉnh Bình Dương. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố 9, phường L, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Thợ sơn nước; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn P và bà Trà Thanh Th (đã chết); bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Ngày 26/6/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Bản án số 124/2020/HSST, ngày 17/12/2020 chấp hành xong hình phạt tù. Tiền sự: Không. Trong vụ án này, bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/8/2022 và tạm giam cho đến nay; Có mặt.

Bị hại: Nguyễn Tấn P1, sinh năm 2002; địa chỉ: khu phố 7, phường L, thành phố M, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Người làm chứng: Nguyễn Đình Minh Ngọc, sinh năm 1992; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Minh T và Lê Ngọc T1 là hai anh em ruột, sinh sống cùng với nhau tại khu phố 9, phường L, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 16/8/2022, trong lúc T và T1 đang ở nhà thì T nảy sinh ý định đi tìm tài sản sơ hở lấy trộm bán kiếm tiền tiêu xài. Thực hiện ý định trên, T rủ T1 đi tìm tài sản lấy trộm thì T1 đồng ý. Lúc này, T1 điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave, màu đỏ, biển số 61T8-5715 chở T ngồi phía sau đi từ nhà qua các tuyến đường thuộc địa bàn phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một để tìm tài sản lấy trộm. Đến khoảng 03 giờ cùng ngày, khi T và T1 đi ngang qua nhà trọ số 220/54/26, đường Huỳnh Văn Lũy, khu phố 7, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thì T nhìn thấy nhà trọ không khoá cửa nên T kêu T1 dừng xe trước cổng đợi để T đi vào bên trong dãy nhà trọ tìm tài sản lấy trộm, còn T1 ở bên ngoài canh giới thì T1 đồng ý. Khi T đi đến phòng trọ số 5 của anh Nguyễn Tấn P1, thì nhìn thấy xe mô tô hiệu Honda Wave, màu xanh-bạc-đen, biển số 47M1-552.21 dựng ngoài cửa phòng, phòng trọ số 5 không khoá cửa, chìa khóa xe máy để trên đầu tủ lạnh trong phòng trọ, còn anh P1 đang ngủ nên T lấy chìa khóa và đi đến xe mô tô biển số 47M1-552.21 rồi lên xe nổ máy chạy về nhà tại địa chỉ số 589/6 thuộc khu phố 9, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương còn T1 điều khiển xe mô tô biển số 61T8-5715 chạy theo phía sau. Khi về đến nhà thì T đem xe vừa lấy trộm được cất giấu tại bãi đất trống ở đối diện nhà rồi cả hai cùng vào nhà đi ngủ.

Đến khoảng 14 giờ cùng ngày 16/8/2022, T nói T1 kiếm người bán xe mô tô biển số 47M1-552.21. Lúc này, T1 lấy điện thoại gọi cho người bạn của T1 tên là Nguyễn Đình Minh Ngọc hỏi: “Có mua xe hay biết chỗ nào mua xe hay không giới thiệu cho bạn bán chiếc xe?”, anh Ngọc hỏi: “Xe đó của ai mà bạn bán?” thì

T1 nói: “Xe của anh mình”. Nghe vậy, anh Ngọc nói để anh Ngọc chạy qua nhà T1 dẫn đi bán xe. Do cũng có người bạn của anh Ngọc cần mua thì T1 đồng ý. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày 16/8/2022, anh Ngọc điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu trắng, biển số 50V3-450.89 chạy đến nhà T1 rồi dẫn T1 điều khiển xe mô tô biển số 47M1-552.21 chạy đến đường D33, Khu Công nghiệp VSIP 1, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương gặp một người nam thanh niên tên Bảo (hiện chưa xác định được họ tên, nơi cư trú) và T1 đã bán xe mô tô biển số 47M1-552.21 cho Bảo với giá 5.000.000 (năm triệu) đồng. Sau khi bán xe xong thì anh Ngọc điều khiển xe mô tô biển số 50V3-450.89 chở T1 chạy về nhà của T1. Sau đó, T1 chia cho T số tiền 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng còn T1 giữ số tiền 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng để tiêu xài cá nhân. Qua hình ảnh camera mà bị hại Nguyễn Tấn P1 cung cấp, đến trưa ngày 17/8/2022, Công an phường Phú Lợi đã mời T và T1 về trụ sở Công an phường Phú Lợi để làm việc thì T và T1 đã thừa nhận hành vi lấy trộm xe mô tô hiệu Honda Wave, màu xanh-bạc-đen, biển số 47M1-552.21 của anh P1.

Căn cứ Bản kết luận định giá số 235/KL-HĐĐGS ngày 25/8/2022 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một, kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave, màu xanh-bạc-đen, biển số 47M1-552.21 (chưa thu hồi được) trị giá 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave, màu xanh-bạc-đen, biển số 47M1-552.21, quá trình điều tra xác định Lê Ngọc T1 đã bán xe mô tô trên cho người nam thanh niên tên Bảo sử dụng số thuê bao 0942269887 với giá 5.000.000 (năm triệu) đồng. Ngày 15/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một ra Lệnh Thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm số 11/L-CSĐT-ĐTTH yêu cầu Tổng Công ty Viễn Thông Vinaphone cung cấp thông tin chủ thuê bao số 0942269887 nhưng đến nay chưa nhận được kết quả trả lời nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau. Anh Nguyễn Tấn P1 yêu cầu Lê Minh T và Lê Ngọc T1 bồi thường số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

Đối với anh Nguyễn Đình Minh Ngọc, quá trình điều tra Lê Ngọc T1 và anh Ngọc đều khai nhận: Khi T1 nhờ anh Ngọc dẫn đi bán xe mô tô biển số 47M1-552.21 thì T1 nói với anh Ngọc, xe mô tô biển số 47M1-552.21 là của anh trai T1, anh Ngọc không biết xe mô tô trên do T1 và T trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý đối với anh Ngọc.

Cáo trạng số 201/CT-VKSTDM ngày 21/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố các bị cáo Lê Minh T, Lê Ngọc T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng. Căn cứ tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 đối với các bị cáo T, T1; áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo T1; về hình phạt:

- Đề nghị áp dụng Điều 17; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 55; khoản 2 Điều 56; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Minh T mức hình phạt tù 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp với hình phạt 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù mà bị cáo phải chấp hành theo Bản án số 129/2022/HS-ST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 năm 03 tháng đến 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/8/2022.

- Đề nghị áp dụng Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Ngọc T1 mức hình phạt tù 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/8/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc các bị cáo T, T1 liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại P1 số tiền là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại ông Nguyễn Tấn P1 trình bày: Về trách nhiệm dân sự, bị hại yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại giá trị tài sản là xe mô tô bị mất trộm không thu hồi lại được với số tiền là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng. Về trách nhiệm hình sự bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo mức hình phạt theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Lê Minh T, Lê Ngọc T1 trình bày: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Về trách nhiệm dân sự, các bị cáo T, T1 đồng ý bồi thường thiệt hại cho bị hại P1 số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng theo như yêu cầu của bị hại. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện Kiểm sát. Các bị cáo T, T1 không nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có

ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Minh T, Lê Ngọc T1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản hỏi cung bị can, lời khai của bị hại cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 03 giờ ngày 16/8/2022, tại phòng trọ số 5 của nhà trọ số 220/54/26, đường Huỳnh Văn Lũy, khu phố 7, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Lê Minh T, Lê Ngọc T1 đã lén lút lấy trộm 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave, màu xanh-bạc-đen, biển số 47M1-552.21 (chưa thu hồi được) trị giá 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng của bị hại Nguyễn Tấn P1. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Về nhận thức các bị cáo biết việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều tích cực thực hiện hành vi phạm tội. Trong đó, bị cáo T là người rủ rê bị cáo T1 thực hiện tội phạm, là người trực tiếp thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại. Bị cáo T1 dùng xe mô tô chở bị cáo T đi tìm tài sản để trộm cắp và đứng canh giới cho bị cáo T thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của bị hại. Do vậy, bị cáo T là người giữ vai trò cầm đầu và là người thực hành, bị cáo T1 là đồng phạm giúp sức tích cực nên mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo T phải nặng hơn mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo T1. Hành vi phạm tội của các bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an tại địa P1. Các bị cáo T, T1 đã từng phạm tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng các bị cáo không biết ăn năn, hối cải, không tự tu dưỡng để trở thành công dân có ích cho xã hội mà lại tiếp tục phạm tội mới. Đặc biệt, đối với bị cáo T là người bị Tòa án xét xử về tội trộm cắp tài sản, bản án chưa có hiệu lực pháp luật, chưa thi hành thì bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội “trộm cắp tài sản” trong vụ án này. Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo để đảm bảo tính giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Minh T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Lê Ngọc T1 phạm tội với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành

vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt: Căn cứ nhân thân; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại ông Nguyễn Tân P1 và các bị cáo T, T1 thống nhất thỏa thuận các bị cáo có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 15.000.000 đồng là giá trị tài sản mà các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp của bị hại. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa các bị cáo và bị hại, thỏa thuận nêu trên phù hợp quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được ghi nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: Không.

[9] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 136, 260, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1/ Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Lê Minh T, Lê Ngọc T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2/ Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 55; khoản 2 Điều 56; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Minh T 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù.

Tổng hợp với hình phạt 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù mà bị cáo phải chấp hành theo Bản án số 129/2022/HS-ST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/8/2022.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Ngọc T1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/8/2022.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; các Điều 357, 468, 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc các bị cáo Lê Minh T, Lê Ngọc T1 có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Nguyễn Tấn P1 số tiền 15.000.000 (năm mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chậm thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4/ Về án phí sơ thẩm:

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và liên đới chịu 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo; bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khương Minh Trí